

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 16

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

1. Ông Hà Ngọc Tấn
2. Ông Lê Văn Thục
3. Ông Lê Văn Vũ
4. Bà Phùng Thị Nhường
5. Ông Nguyễn Hồng Điệp

#### **Chức vụ**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị

#### **Ban Giám đốc**

- Ông Lê Văn Thục  
Bà Phùng Thị Nhường  
Ông Lê Văn Vũ

#### **Chức vụ**

- Giám đốc  
Phó Giám đốc điều hành  
Phó Giám đốc điều hành

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,

---

**Hà Ngọc Tấn**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Sơn Tây, Ngày 28 tháng 02 năm 2012*

Số: 2802/AA-MTST.RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Lê Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0357/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

*TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2012*

---

**Nguyễn Phương Lan Anh**  
**Chủ nhiệm Kiểm toán**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0673/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU B 01-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.762.645.071</b>	<b>20.482.893.375</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>2.156.602.332</b>	<b>7.551.006.971</b>
1. Tiền	111		2.156.602.332	7.551.006.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	5.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.919.851.882</b>	<b>7.794.371.081</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	5.3	17.969.082.224	5.489.285.081
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	980.000.000	1.873.281.000
3. Các khoản phải thu khác	135	5.5	1.970.769.658	431.805.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.589.837.617</b>	<b>574.419.323</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.589.837.617	574.419.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>96.353.240</b>	<b>563.096.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	96.353.240	563.096.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.877.444.938</b>	<b>79.475.885.390</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.477.796.821</b>	<b>79.475.885.390</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.389.188.821	14.222.603.464
- Nguyên giá	222		37.758.853.055	33.622.613.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.369.664.234)	(19.400.010.491)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	88.608.000	65.253.281.926
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>399.648.117</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	399.648.117	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.640.090.009</b>	<b>99.958.778.765</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU B 01-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>23.353.496.507</b>	<b>10.732.614.005</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.223.666.568</b>	<b>10.602.784.066</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.11	931.701.753	631.283.200
3. Người mua trả tiền trước	313		-	2.623.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	1.895.644.823	1.714.274.772
5. Phải trả người lao động	315		3.388.137.000	570.702.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.13	14.421.531.997	6.104.294.099
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.586.650.995	1.579.606.995
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>129.829.939</b>	<b>129.829.939</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.829.939	129.829.939
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>21.286.593.502</b>	<b>89.226.164.760</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>27.468.623.572</b>	<b>82.794.215.580</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	11.256.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.226.757.977	3.559.960.977
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.439.512.000	550.580.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.032.388.595	422.501.177
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	67.005.173.426
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(6.182.030.070)</b>	<b>6.431.949.180</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(10.656.068.797)	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		4.474.038.727	6.431.949.180
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44.640.090.009</b>	<b>99.958.778.765</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại		-	-

**Hà Ngọc Tân**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Sơn Tây, Ngày 28 tháng 02 năm 2012*

**Vũ Kim Hoa**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*

**MẪU B 02-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>61.299.390.013</b>	<b>45.928.890.785</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		10.567.545	4.747.600
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>61.288.822.468</b>	<b>45.924.143.185</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		46.123.782.724	35.333.149.038
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.165.039.744</b>	<b>10.590.994.147</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	699.768.419	293.237.687
7. Chi phí tài chính	22	6.2	294.619	77.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		294.619	77.778
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.113.985.262	2.796.622.526
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.750.528.282</b>	<b>8.087.531.530</b>
11. Thu nhập khác	31		105.452.791	26.913.700
12. Chi phí khác	32		3.550.000	10.550.000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>101.902.791</b>	<b>16.363.700</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11.852.431.073</b>	<b>8.103.895.230</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.963.107.768	2.025.973.808
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.889.323.305</b>	<b>6.077.921.422</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>4.738</b>	<b>5.400</b>

**Hà Ngọc Tấn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sơn Tây, Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**Vũ Kim Hoa**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		55.044.437.368	40.919.606.675
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(25.337.575.735)	(17.528.525.811)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.657.279.400)	(13.860.370.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(294.619)	(77.778)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.725.973.808)	(1.500.320.708)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.635.105.600	68.383.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.496.097.664)	(68.383.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(537.678.258)</b>	<b>8.030.312.378</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.318.223.100)	(2.976.800.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		74.154.300	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		488.219.419	301.237.687
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.755.849.381)</b>	<b>(2.675.562.313)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		700.000.000	200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(700.000.000)	(200.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.877.000)	(2.026.080.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.100.877.000)</b>	<b>(2.026.080.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.394.404.639)</b>	<b>3.328.670.065</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.551.006.971</b>	<b>4.222.336.906</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>2.156.602.332</b>	<b>7.551.006.971</b>

Hà Ngọc Tân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vũ Kim Hoa  
Kế toán trưởng

Sơn Tây, Ngày 22 tháng 02 năm 2012



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty Cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 0103026959. Ngày 01 tháng 11 năm 2011, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do thay đổi vốn điều lệ với mã số doanh nghiệp: 0500239004. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 là: 18.760.000.000 đồng, tổng số cổ phần đã phát hành 1.876.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần., cụ thể như sau:

<b>Danh sách cổ đông sáng lập</b>	<b>Vốn góp VNĐ</b>	<b>Tỷ lệ % góp vốn</b>
<b>1. Cổ đông nhà nước</b>		
Đại diện quản lý: Công ty TNHH Nhà nước MTV Môi trường Đô thị (Theo quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).	4.858.930.000	25,9

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 385 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- (i) Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- (ii) Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- (iii) Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- (iv) Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- (v) Quản lý nghĩa trang dân nhân làm các dịch vụ tang lễ;
- (vi) Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- (vii) Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- (viii) Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- (ix) Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- (x) Xử lý môi trường làng nghề.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Niên độ kế toán**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác về kế toán do Nhà nước ban hành trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, giá thuê mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản cố định công cộng do Nhà nước giao cho Công ty quản lý, vận hành.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán nhưng có liên quan đến nhiều năm tài chính thì được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán theo phương pháp và tiêu thức hợp lý.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Chi phí đi vay cũng bao gồm các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại tài khoản tiền được hạch toán tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái. Tại ngày đầu tiên của niên độ kế toán tiếp theo Công ty hạch toán điều chỉnh hoàn trả các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán của niên độ trước.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất mối quan hệ được chú ý không phụ thuộc vào hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	19.719.322	72.066.400
Tiền gửi ngân hàng	2.136.883.010	7.478.940.571
<b>Cộng</b>	<b>2.156.602.332</b>	<b>7.551.006.971</b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	4.000.000.000

**5.3. Các khoản phải thu khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2010
	VND	VND
Hợp tác xã Thành Công	741.182.500	18.804.000
Phòng Quản lý Đô thị huyện Phúc Thọ	524.617.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Tân Hội	195.883.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Thăng Long	141.651.000	-
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phúc Thọ	832.859.000	1.266.889.000
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Xuân Mai	525.982.000	-
Ban Quản lý vốn sự nghiệp đảm bảo VSMT thị xã Sơn Tây	14.185.936.201	3.977.690.558
Ban Quản lý dự án hạ tầng đô thị	592.232.000	-
Các khách hàng khác	228.739.523	225.901.523
<b>Cộng</b>	<b>17.969.082.224</b>	<b>5.489.285.081</b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2010
	VND	VND
Công ty Xây dựng và Chế biến Lâm sản Đông Quang I	-	1.871.681.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Hưng Hà	900.000.000	-
Công ty in Đường sắt	-	1.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Môi trường Thái Hưng	10.000.000	-
Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	70.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>980.000.000</b>	<b>1.873.281.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì	-	250.000.000
Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	127.492.000	127.492.000
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thị xã Sơn Tây	1.773.256.000	-
Ban Quản lý vốn sự nghiệp đảm bảo VSMT thị xã Sơn Tây	-	50.000.000
Bảo hiểm xã hội thị xã Sơn Tây	25.186.658	-
Cán bộ Công nhân viên trong Công ty	44.835.000	4.313.000
<b>Cộng</b>	<b>1.970.769.658</b>	<b>431.805.000</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	366.527.469	295.338.017
Công cụ, dụng cụ	10.100.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	852.750.875	-
Thành phẩm	360.459.273	279.081.306
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.589.837.617</b>	<b>574.419.323</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.589.837.617</b>	<b>574.419.323</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất	-	563.096.000
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	96.353.240	-
<b>Cộng</b>	<b>96.353.240</b>	<b>563.096.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản công cộng được giao quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 31/12/2010	2.047.254.200	17.850.325.041	220.711.700	13.504.323.014	-	33.622.613.955
Tăng do mua sắm mới	-	4.210.000.000	39.437.000	-	338.438.100	4.587.875.100
Giảm do Thanh lý	-	403.480.000	48.156.000	-	-	451.636.000
Tại ngày 31/12/2011	2.047.254.200	21.656.845.041	211.992.700	13.504.323.014	338.438.100	37.758.853.055
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 31/12/2010	791.931.944	11.351.908.213	183.796.500	7.072.373.834	-	19.400.010.491
Trích khấu hao	102.711.820	2.307.186.776	36.602.827	1.957.910.453	16.877.867	4.421.289.743
Giảm do thanh lý	-	403.480.000	48.156.000	-	-	451.636.000
Tại ngày 31/12/2011	894.643.764	13.255.614.989	172.243.327	9.030.284.287	16.877.867	23.369.664.234
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2010	<b>1.255.322.256</b>	<b>6.498.416.828</b>	<b>36.915.200</b>	<b>6.431.949.180</b>	-	<b>14.222.603.464</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>1.152.610.436</b>	<b>8.401.230.052</b>	<b>39.749.373</b>	<b>4.474.038.727</b>	<b>321.560.233</b>	<b>14.389.188.821</b>

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố tại ngày 31/12/2011 là: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2011 là: 0 đồng.

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chi tiết theo từng dự án, công trình)**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng	81.360.000	81.360.000
Dự án Cải tạo mở rộng nghĩa trang thị xã Sơn Tây	-	416.993.000
Dự án khu xử lý rác thị xã Sơn Tây	-	57.677.596.000
Các dự án khác	7.248.000	7.077.332.926
<b>Cộng</b>	<b>88.608.000</b>	<b>65.253.281.926</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ văn phòng	71.523.117	-
Công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất	328.125.000	-
<b>Cộng</b>	<b>399.648.117</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.11 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Hợp tác xã Thành Công	120.094.000	-
Công ty Môi trường Đô thị Xuân Mai	171.061.000	-
Công ty TNHH MTV Bình Xuân	141.294.153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài chính	195.190.600	-
Công ty Cổ phần tư vấn điện chiếu sáng Bình Minh	-	285.500.000
Các khách hàng khác	304.062.000	345.783.200
<b>Cộng</b>	<b>931.701.753</b>	<b>631.283.200</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.608.055	188.300.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.763.107.768	1.525.973.808
Thuế thu nhập cá nhân	103.929.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.895.644.823</b>	<b>1.714.274.772</b>

**5.13 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2011 VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Phải trả về cổ phần hóa	-	2.876.388.591
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.421.531.997	3.227.905.508
- <i>Cổ tức phải trả cho cổ đông Công ty</i>	<i>1.683.418.600</i>	<i>2.184.510.600</i>
- <i>Lãi tiền gửi không kỳ hạn phần vốn giữ hộ nhà nước</i>	<i>-</i>	<i>211.189.000</i>
- <i>Công ty Xây dựng và Chế biến lâm sản Đông Quang</i>	<i>1.740.000.000</i>	<i>-</i>
- <i>Kinh phí các dự án</i>	<i>10.515.776.797</i>	<i>-</i>
- <i>Các đối tượng khác</i>	<i>482.336.600</i>	<i>832.205.908</i>
<b>Cộng</b>	<b>14.421.531.997</b>	<b>6.104.294.099</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.14 Nguồn vốn chủ sở hữu**

**Bảng thay đổi vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Nguồn vốn	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	vốn cổ	phát triển	tài chính	đầu tư XDCB	chưa phân phối	
	VND	phần VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngày 31/12/2010	11.256.000.000	-	3.559.960.977	550.580.000	67.005.173.426	422.501.177	82.794.215.580
<b>Tăng trong năm</b>	<b>7.504.000.000</b>	<b>9.965.000</b>	<b>2.666.797.000</b>	<b>888.932.000</b>	-	<b>8.889.323.305</b>	<b>19.959.017.305</b>
Tăng vốn trong năm	7.504.000.000	9.965.000	-	-	-	-	7.513.965.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	8.889.323.305	8.889.323.305
Trích bổ sung các quỹ	-	-	2.666.797.000	888.932.000	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.005.173.426</b>	<b>8.279.435.887</b>	<b>75.284.609.313</b>
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.501.333.000	2.501.333.000
Trích bổ sung các quỹ	-	-	-	-	-	5.778.060.000	-
Giảm khác	-	-	-	-	67.005.173.426	42.887	67.005.216.313
Ngày 31/12/2011	18.760.000.000	9.965.000	6.226.757.977	1.439.512.000	-	1.032.388.595	27.468.623.572

**Vốn góp của Chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 31/12/2010	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Cổ đông nhà nước	4.858.930.000	25,9%	4.052.160.000	36%
Cổ đông doanh nghiệp và cá nhân	13.901.070.000	74,1%	7.203.840.000	64%
<b>Cộng</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>100%</b>

- Tổng số cổ phần được phép phát hành: 1.876.000 cổ phần;
- Số cổ phần đã phát hành và nhận vốn góp của cổ đông đầy đủ: 1.876.000 cổ phần;
- Số cổ phiếu được Công ty mua lại và đang nắm giữ: 0 cổ phiếu;
- Số cổ phần đang lưu hành đến ngày 31/12/2011: 1.876.000 cổ phần;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>61.299.390.013</b>	<b>45.928.890.785</b>
Doanh thu hoạt động công ích	53.472.225.187	41.755.520.385
Doanh thu xây lắp điện	161.452.380	1.942.928.500
Doanh thu khác	7.665.712.446	2.230.441.900
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.567.545</b>	<b>4.747.600</b>
Giảm giá hàng bán	10.567.545	4.747.600
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>61.288.822.468</b>	<b>45.924.143.185</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)**

**6.1 Doanh thu bán hàng (Tiếp theo)**

- Doanh thu năm 2011 đã bao gồm 5.671.699.000 đồng doanh thu tạm tính (theo số tiền thực tế Công ty đã nhận được) phân doanh thu tăng thêm do tăng đơn giá tiền lương theo quyết định số: 5838/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Số doanh thu tạm tính nói trên có thể thay đổi khi có phê duyệt chính thức số tiền chênh lệch do thay đổi đơn giá tiền lương của Ban Quản lý vốn sự nghiệp đảm bảo vệ sinh môi trường thị xã Sơn Tây và Ủy ban nhân dân huyện Phúc Thọ.

- Doanh thu các hoạt động ngoài đơn đặt hàng của Ủy ban nhân dân thị xã Sơn Tây và Doanh thu công trình Nâng cấp, cải tạo hệ thống cây xanh, cây bóng mát trên dải phân cách quốc lộ 32 (Km 35+600 – Km 38+400) đoạn qua huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội chưa được ghi nhận do chưa có thẩm tra quyết toán của Ban Quản lý vốn sự nghiệp đảm bảo vệ sinh môi trường thị xã Sơn Tây và Ủy ban nhân dân huyện Phúc Thọ.

**6.2 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	699.768.419	290.277.687
Lãi tiền mua công trái	-	2.960.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>699.768.419</b>	<b>293.237.687</b>
Chi phí lãi vay	294.619	77.778
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>294.619</b>	<b>77.778</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

**7.2. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

**Hà Ngọc Tản**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Vũ Kim Hoa**  
Kế toán trưởng

Sơn Tây, Ngày 28 tháng 02 năm 2012